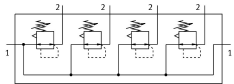


# Đế van điều chỉnh áp suất LRB-3/8-D-7-O-K4-MINI

Số bộ phận: 528985

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                         |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | Mini                                                                            |
| Dòng                                                       | D                                                                               |
| bảo vệ hành động                                           | Núm xoay có khóa                                                                |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                                          |
| Cấu trúc xây dựng                                          | van điều khiển màng điều khiển trực tiếp<br>với nguồn cung cấp áp suất liên tục |
| chức năng điều khiển                                       | Áp suất đầu ra không đổi<br>có bù áp sơ cấp<br>với hệ thống xả thứ cấp          |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | G1/8 được chuẩn bị                                                              |
| Áp suất vận hành                                           | 0.1 MPA...1.6 MPA<br>1 bar...16 bar                                             |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.05 MPA...0.7 MPA<br>0.5 bar...7 bar<br>7.25 psi...101.5 psi                   |
| Độ trễ áp suất tối đa                                      | 0.02 MPA<br>0.2 bar<br>2.9 psi                                                  |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 1800 l/ph                                                                       |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                            |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                               |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                            |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                                  |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 1480 g                                                                          |
| Kiểu gắn                                                   | với phụ kiện                                                                    |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G3/8                                                                            |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1/4                                                                            |
| Vật liệu tấm kết nối                                       | Kém đúc áp lực                                                                  |
| Vật liệu bảng điều khiển                                   | PA                                                                              |
| Vật liệu cửa phốt                                          | NBR                                                                             |
| Vật liệu vỏ                                                | Kém đúc áp lực                                                                  |